TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K – TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2022/HNGĐ-ST**
Ngày 24/02/2022
"V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K- TỈNH NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : Ông Hoàng Ngọc Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Dự

Ông Vũ Đức Bính

Thư ký phiên toà: ông Phạm Văn Thành - Thư ký Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: ông Ninh Trọng Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 24/02/2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 184/2021/TLST-HNGĐ ngày 29/11/2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/02/2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: anh Vũ Văn T, sinh năm 1986; nơi cư trú: thôn H, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình "có mặt"

- **Bị đơn**: chị Trương Thị L, sinh năm 1992; nơi ĐKHKTT: thôn H, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Chỗ ở hiện nay: xóm 14A, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình (chị L có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai anh Vũ Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Trương Thị L được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình vào ngày 07/10/2011 là quê chị L. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống và làm ăn cùng gia đình nhà anh T tại xã V. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế cũng như trong sinh hoạt gia đình, bên cạnh đó anh T thấy chị L có quan hệ bất chính với người khác, anh và hai bên gia đình khuyên bảo chị L chấm dứt mối quan hệ đó, nhưng chị L không thay đổi. Chính vì thế nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi

nhau, đến tháng 5/2017 sau khi vợ chồng xảy ra xô sát chị L đã đưa con lớn bỏ về nhà mẹ đẻ chị L ở xóm 14A, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình để ở cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân thì có một vài lần anh liên lạc với chị L để động viên chị L quay về đoàn tụ, nhưng chị L nhất quyết không về và từ đó anh chị không liên hệ gì với nhau nữa. Vì vậy, anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Trương Thị L để hai bên còn ổn định cuộc sống.

- Về quan hệ con chung: anh T và chị L có 02 con chung là cháu Vũ Anh T1, sinh ngày 03/9/2012 và cháu Vũ Hùng Thiên P, sinh ngày 05/2/2015. Hiện nay cháu T1 đang ở với chị L, còn cháu P đang ở với anh T. Khi ly hôn anh T xin được trực tiếp nuôi cháu P, còn chị L trực tiếp nuôi cháu T1 và hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung và công nợ chung: anh T và chị L tự thỏa thuận giải quyết với nhau, nên không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai chị Trương Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Vũ Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình vào ngày 07/10/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống cùng gia đình nhà chồng tại xã V. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, tuy không lớn, nhưng từ đầu năm 2017, thì mâu thuẫn thực sự trầm trọng do bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế cũng như trong sinh hoạt gia đình, chính vì thế nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình và bạn bè khuyên giải, nhưng sau đó mẫu thuẫn vợ chồng vẫn xảy ra, đến khoảng giữa năm 2017 khi mâu thuẫn diễn ra đỉnh điểm thì chị L đã phải về nhà mẹ đẻ của chị tại xóm 14A, xã L, huyện K để ở. Vợ chồng cũng chính thức sống ly thân nhau từ đó cho đến nay, trong thời gian sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Thời gian gần đây anh T có liên hệ với chị để trao đổi việc vợ chồng ly hôn, chị L xét thấy vợ chồng sống ly thân đã lâu, bản thân chị cũng không con tình cảm gì với anh T nữa, nên chị đồng ý ly hôn anh T và chị cũng không đến Tòa án làm việc, do đó đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định để giải quyết vụ án.

Về con chung: chị L xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Vũ Anh T1, sinh ngày 03/9/2012 và cháu Vũ Hùng Thiên P, sinh ngày 05/2/2015. Hiện nay cháu T1 đang ở với chị L, còn cháu P đang ở với anh T. Khi ly hôn chị L xin được trực tiếp nuôi cháu T1, còn anh T trực tiếp nuôi cháu P và hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau

Về tài sản và nợ chung: chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh của Tòa án, chính quyền địa phương xã L, huyện K cung cấp: chị L là người địa phương có kết hôn với anh Vũ Văn T là người xã V, huyện K vào năm 2011. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị ấy sống tại gia đình nhà chồng, do mâu thuẫn vợ chồng xảy ra nên chị L chuyển về xóm 14A, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình ở khoảng giữa năm 2017 cho đến nay. Qua nắm bắt thông tin ở cơ sở, từ khi chị L về nhà mẹ đẻ thì anh chị ấy không liên lạc gì với nhau. Về con chung: vợ chồng anh chị ấy có 02 con chung là cháu Vũ Anh T1, sinh năm 2012 và cháu Vũ Hùng Thiên P, sinh năm 2015, hiện cháu T1 đang ở cùng chị L. Về công việc thì cả chị L và anh T đều là lao động tự do nên thu nhập thế nào địa phương không nắm được.

Tại biên bản xác minh của Tòa án, chính quyền địa phương xã V, huyện K cung cấp: anh T là người địa phương có kết hôn với chị Trương Thị L người xã L, huyện K vào năm 2011. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị ấy sống tại gia đình nhà anh T ở xóm H, xã V, do mâu thuẫn vợ chồng xảy ra nên giữa năm 2017 chị Là chuyển về xóm 14A, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình để ở, qua nắm bắt tình hình thì UBND xã được biết kể từ khi vợ chồng anh T ly thân cho đến nay không thấy hai bên qua lại với nhau. Về con chung: qua công tác quản lý hộ khẩu, hộ tịch được biết vợ chồng anh chị ấy có 02 con chung là cháu Vũ Anh T1, sinh năm 2012 và cháu Vũ Hùng Thiên P, sinh năm 2015, hiện cháu T1 đang ở cùng chị L, còn cháu P đang ở với anh T. Về thu nhập, kinh tế và tài sản chung thì cả chị L và anh T đều là lao động tự do nên thu nhập thế nào địa phương không nắm được, mặt khác chị L về sống với gia đình tại xã L từ năm 2017 đến nay vì vậy địa phương không quản lý..

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu: về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử cho anh T ly hôn chị L; Giao con chung là cháu Vũ Anh T1, sinh ngày 03/9/2012 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung là cháu Vũ Hùng Thiên P, sinh ngày 05/2/2015 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau, anh T, chị L có quyền thăm nom con chung. Anh T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu có tại hồ sơ cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: đây là quan hệ tranh chấp về "Hôn nhân và gia đình" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chị Trương Thị L, sinh năm 1992; ĐKHKTT: xóm H, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nơi hiện đang cư trú: xóm 14A, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh Vũ Văn T và chị Trương Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, không bị ai lừa dối hay ép buộc và có đăng ký kết hôn vào ngày 07/10/2011 tại UBND xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nhưng giữa anh T và chị L chung sống với nhau được một thời gian đã phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân nhau gần 5 năm, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống cũng như làm ăn kinh tế, nghi ngờ nhau có quan hệ bất chính, dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung, việc ai người ấy làm, bản thân cả hai anh chị đều không có biện pháp nào khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh Vũ Văn T được ly hôn chị Trương Thị L là phù hợp.

[3] Về con chung: anh T, chị L có 02 con chung là cháu Vũ Anh T1 sinh ngày 03/9/2012 và cháu Vũ Hùng Thiên P, sinh ngày 05/2/2015. Hiện cháu P đang ở với anh T, cháu T1 đang ở với chị L. Anh T có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P, chị L có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1. Ý kiến cháu T1 có nguyện vọng được ở với mẹ, ý kiến cháu P là muốn được ở với bố. Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng của anh T, chị L và cháu T1, cháu P là hợp lý nên cần tôn trọng. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu T1 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi; giao cháu P cho anh T trực tiếp trông nom, chăm

sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi. Anh T, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp với ý chí cả cả hai bên và đúng với nguyện vọng của con chung.

[4] Về tài sản và nợ chung: anh T, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí*:* anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa anh Vũ Văn T và chị Trương Thị L.

2. Về nuôi con chung: giao con chung là cháu Vũ Hùng Thiên P, sinh ngày 05/2/2015 cho anh Vũ Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi; giao con chung là cháu Vũ Anh T1, sinh ngày 03/9/2012 cho chị Trương Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi, anh T, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Anh T, chị L có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: anh Vũ Văn T phải nộp 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0004460 ngày 29/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K; anh T đã nộp đủ.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh NB;*
- *VKS huyện K;*
- *THADS huyện K;*
- *UBND xã L;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Hoàng Ngọc Hưng